

Số: 233/2017/QĐST-HNGĐ.

Châu Thành, ngày 05 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 283/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mộng P**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 335, tổ 4, ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Chị **Nguyễn Thị Bích Ph**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

2/. Chị **Nguyễn Thị Huỳnh T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà 335, tổ 4, ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Mộng P và anh Nguyễn Văn X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đồng sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng P và anh Nguyễn Văn X tự nguyện xác định là anh, chị có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị N Ý, sinh ngày 23/3/2008, cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 22/6/2015. Chị Nguyễn Thị Mộng P tự nguyện đồng ý giao cho anh Nguyễn Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị N Ý và cháu Nguyễn Thanh Th cho đến khi cháu Ý, cháu Th tròn 18 tuổi; anh Nguyễn Văn X tự nguyện đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị Mộng P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật A cho đến khi cháu Nhật A tròn 18 tuổi; chị P, anh X không

yêu cầu ng-ời không trực tiếp nuôi con cấp d-ỡng nuôi con; không ai đ-ợc quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng P và anh Nguyễn Văn X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mộng P và anh Nguyễn Văn X xác định là anh, chị có nợ bà Nguyễn Thị Bích Ph số tiền 34.400.000đ (Ba m-ơi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) để làm kinh tế gia đình và nợ chị Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 70.00.000đ (Bảy m-ơi triệu đồng) để xây nhà, ngoài ra không còn nợ ai khác. Chị P, anh X, bà Ph và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000đ (Một trăm năm m-ơi ngàn đồng): Chị Nguyễn Thị Mộng P tự nguyện nộp;

Khấu trừ số tiền án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Mộng P tự nguyện nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh chị P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009998 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị P đ-ợc nhận lại 150.000đ (Một trăm năm m-ơi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa.

Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND cùng cấp;
- THADS huyện CT, tỉnh KG;
- UBND xã GT, huyện CT, KG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hương